

TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030
PHƯƠNG ÁN 2 KHỐI TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập					So sánh phương án (1) và phương án (2)	
		Số lượng phòng học tạm, nhờ mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa (P_{kch})	Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày (P_{pcgd})	Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định (P_{thieu})	Tổng số điểm định mức quy đổi $(Tj = [(P_{kch} \times \alpha) + (P_{pcgd} \times \beta) + (P_{thieu} \times \gamma)] \times K \times M)$ <i>(theo khoản 1, khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết)</i>	Phương án phân bổ vốn về các đơn vị trực thuộc (phương án 2)	Phân bổ vốn theo (phương án 1)	Chênh lệch
A	B	1	2	3	4	5	6	7=6-5
	KHỐI TRỰC THUỘC	58	0	638	927,42	213.800	213.800	
1	THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển	0	0	10	13	2.997	3.308	-311
2	PTDTNT Cà Mau	0	0	13	16,9	3.896	3.937	-41
3	THPT Tắc Vân	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
4	THPT Cà Mau	0	0	17	22,1	5.095	4.777	318
5	THPT Nguyễn Việt Khái	0	0	8	10,4	2.398	2.888	-491
6	THPT Thới Bình	4	0	12	22,36	5.155	4.818	336
7	THPT Nguyễn Văn Nguyễn	0	0	11	14,3	3.297	3.518	-221
8	THPT Khánh Lâm	0	0	11	14,3	3.297	3.518	-221
9	THPT U Minh	0	0	6	7,8	1.798	2.469	-671
10	THPT Trần Văn Thời	0	0	11	14,3	3.297	3.518	-221
11	THPT Sông Đốc	0	0	0	0	0	1.210	-1.210
12	THPT Huỳnh Phi Hùng	0	0	15	19,5	4.495	4.357	138
13	THPT Võ Thị Hồng	0	0	13	16,9	3.896	3.937	-41

14	THPT Cái Nước	0	0	21	27,3	6.294	5.616	678
15	THPT Phú Hưng	2	0	13	20,28	4.675	4.483	192
16	THPT Phú Tân	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
17	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	0	0	13	16,9	3.896	3.937	-41
18	THPT Đầm Dơi	0	0	10	13	2.997	3.308	-311
19	THPT Thái Thanh Hòa	0	0	18	23,4	5.394	4.986	408
20	THPT Quách Văn Phẩm	0	0	16	20,8	4.795	4.567	228
21	THPT Ngọc Hiển	0	0	1	1,3	300	1.420	-1.120
22	THPT Phan Ngọc Hiển	0	0	8	10,4	2.398	2.888	-491
23	THCS và THPT Tân Bằng	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
24	THCS và THPT Khánh An	1	0	0	1,69	390	1.483	-1.093
25	THCS và THPT Tân Lộc	3	0	3	8,97	2.068	2.658	-590
26	THCS và THPT Tân Đức	0	0	15	19,5	4.495	4.357	138
27	THCS và THPT Vàm Đình	4	0	12	22,36	5.155	4.818	336
28	THPT Hồ Thị Kỷ	5	0	12	24,05	5.544	5.091	453
29	THCS và THPT Lý Văn Lâm	2	0	13	20,28	4.675	4.483	192
30	PT Hermann Gmeiner	0	0	14	18,2	4.196	4.147	49
31	THPT Viên An	0	0	10	13	2.997	3.308	-311
32	THPT Khánh Hưng	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
33	THCS và THPT Nguyễn Huân	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
34	THPT Chuyên Bạc Liêu	0	0	9	11,7	2.697	3.098	-401
35	THPT Bạc Liêu	0	0	14	18,2	4.196	4.147	49
36	THPT Lê Hồng Phong	0	0	4	5,2	1.199	2.049	-851
37	THPT Hiệp Thành	1	0	11	15,99	3.686	3.791	-104
38	THPT Lê Văn Đâu	5	0	8	18,85	4.346	4.252	93
39	THPT Vĩnh Hưng	18	0	11	44,72	10.309	8.427	1.883
40	THPT Lê Thị Riêng	0	0	15	19,5	4.495	4.357	138
41	PTDTNT Bạc Liêu	0	0	7	9,1	2.098	2.679	-581
42	THCS và THPT Trần Văn Lắm	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
43	THPT Giá Rai	0	0	11	14,3	3.297	3.518	-221
44	THPT Nguyễn Trung Trực	0	0	9	11,7	2.697	3.098	-401
45	THPT Tân Phong	2	0	13	20,28	4.675	4.483	192
46	THPT Điền Hải	0	0	12	15,6	3.596	3.728	-131
47	THPT Gành Hào	0	0	15	19,5	4.495	4.357	138
48	THPT Định Thành	0	0	13	16,9	3.896	3.937	-41

49	THPT Võ Văn Kiệt	0	0	24	31,2	7.193	6.245	948
50	THPT Trần Văn Bảy	6	0	14	28,34	6.533	5.783	750
51	THPT Ngan Dừa	5	0	25	40,95	9.440	7.818	1.622
52	THPT Ninh Quới	0	0	24	31,2	7.193	6.245	948
53	THPT Ninh Thạnh Lợi	0	0	21	27,3	6.294	5.616	678

CHÚ THÍCH:

I NGUỒN VỐN

Nguồn vốn Trung ương phân bổ: **1.697.000 triệu đồng**

Vốn đối ứng địa phương: **441.000 triệu đồng**

Tổng nguồn lực thực hiện Chương trình (tạm tính): **2.138.000 triệu đồng**

Phân bổ vốn đối với các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT:

Tổng số cơ sở giáo dục toàn tỉnh: 756 trường

Tổng số cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT: 53 trường

Tỷ lệ: $53/756 = 7,01\%$

Dự kiến phân bổ vốn khối trực thuộc = $2.138.000 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 213.800 \text{ triệu đồng}$

Bình quân nguồn vốn hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2026-2030: 4.033 triệu đồng/trường.

II PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN CẤP XÃ (PHƯƠNG ÁN 2)

100% (213.800 triệu đồng) tổng số vốn phân bổ theo điểm số định mức quy đổi.

Phương án này phân bổ theo tiêu chí xác định điểm định mức quy đổi có ưu điểm là minh bạch, dễ tính toán và tạo sự thống nhất trong phân bổ ngân sách.

Tuy nhiên, phương án này cũng có nhiều hạn chế:

Chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu thực tế; các tiêu chí quy đổi chỉ phản ánh một phần mức độ khó khăn.

Chưa gắn với hiệu quả sử dụng vốn; đơn vị giải ngân tốt, đơn vị giải ngân chậm vẫn có thể nhận mức vốn tương tự nếu có điểm quy đổi gần nhau.

Phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu đầu vào; nếu số liệu về nhu cầu đầu tư chưa cập nhật đầy đủ thì điểm quy đổi sẽ không phản ánh đúng thực tế, dẫn đến phân bổ chưa hợp lý.